

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÐ, TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 56/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 21- 7 - 2017
Về việc: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BẾN TRE**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Phạm Văn Tháo.
- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Nguyễn Ngọc Sơn;
2. Ông Lê Văn Đức.

- **Thư ký phiên Tòa:** Ông Phạm Quốc Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

Ngày 21 tháng 7 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÐ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 282/2017/TLST – HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn: Võ Thị KL**, sinh năm 1977. (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp BH2, xã ĐHL, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

2. **Bị đơn: Nguyễn Văn H**, sinh năm 1973. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp BH2, xã ĐHL, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

Anh H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 26/6/2017

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/3/2017 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Võ Thị KL trình bày:*

Chị và anh H cưới nhau vào năm 1995 trên tinh thần tự nguyện và không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có hạnh H đến tháng năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do mâu thuẫn về kinh tế trong gia đình, tính tình không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị và anh H đã ly thân từ tháng 08 năm 2016 cho đến nay. Nay xét thấy vợ chồng không thể hàn gắn lại được, tình cảm vợ chồng không còn nữa, nên chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thanh Vinh, sinh ngày 01/3/1996 và Nguyễn Thanh Huy, sinh ngày 22/01/2003. Cháu Vinh Hiện nay đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết. Cháu Huy hiện đang sống với chị, khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cháu Huy và không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

** Tại biên bản hòa giải ngày 26/6/2017, bản tự khai ngày 26/6/2017 bị đơn anh H trình bày:*

Anh và chị L cưới nhau vào năm 1995 trên tinh thần tự nguyện và không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có hạnh H đến tháng năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do mâu thuẫn về kinh tế trong gia đình, tính tình không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh và chị L đã ly thân từ tháng 08 năm 1996 cho đến nay. Nay xét thấy vợ chồng không thể hàn gắn lại được, tình cảm vợ chồng không còn nữa, nên qua yêu cầu ly hôn của chị L thì anh đồng ý

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thanh Vinh, sinh ngày 01/3/1996 và Nguyễn Thanh Huy, sinh ngày 22/01/2003. Cháu Vinh Hiện nay đã trưởng thành nên anh không yêu cầu giải quyết. Cháu Huy hiện đang sống với chị L, khi ly hôn anh đồng ý để chị L nuôi cháu Huy và anh không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về tố tụng:* Anh Nguyễn Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 26/6/2017, nên Tòa án đã tiến hành xét xử vắng mặt anh H là phù hợp với Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. *Về nội dung:*

2.1 Chị L và anh H chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1995 cho đến nay vẫn chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định phù hợp với xác nhận của Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đại Hòa Lộc và UBND thị trấn Bình Đại. Nay chị L xác định không còn tình cảm và không thể hàn gắn được nên chị L yêu cầu ly hôn và anh H cũng đồng ý ly hôn. Tuy nhiên do chị L và anh H không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên căn cứ vào các Điều 14, 53, 131 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì không công nhận mối quan hệ giữa chị Võ Thị KL và anh Nguyễn Văn H là vợ chồng.

2.2 Về con chung: Quá trình chung sống chị L và anh H có 02 con chung tên Nguyễn Thanh Vinh, sinh ngày 01/3/1996 và Nguyễn Thanh Huy, sinh ngày 22/01/2003. Cháu Vinh hiện nay đã trưởng thành, chị L, anh H cũng không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét đến. Cháu Huy hiện nay đang sống chung với chị L, chị L yêu cầu nuôi con chung và anh H đồng ý để chị L nuôi con chung, sự thỏa thuận cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Huy là muốn sống chung với chị L nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện chị L nuôi con chung không yêu cầu anh H cấp dưỡng

2.3 Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

2.4 Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

2.5 Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Chị Võ Thị KL phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14, 15, 53, 81, 82, 83, 84, 119, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 149, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa chị Võ Thị KL và anh Nguyễn Văn H là vợ chồng.

2. Về con chung:

Con chung tên Nguyễn Thanh Vinh, sinh ngày 01/3/1996 hiện đã trưởng thành, chị L, anh H không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

Giao con chung Nguyễn Thanh Huy, sinh ngày 22/01/2003 cho chị Võ Thị KL trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện chị Võ Thị KL nuôi con chung không yêu cầu anh Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con.

Anh H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 và Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có, nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Không có, nên không xét đến.

5. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Chị Võ Thị KL phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0005772 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BD. Vậy chị Võ Thị KL đã nộp đủ án phí.

6. Chị Võ Thị KL có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Tháo